TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2023/HS-ST
Ngày: 21/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Yên**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lò Văn Sung**
Ông **Lù Văn Lả**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Tuấn Ngọc** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Nguyệt Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 242/2023/TLST- HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2023/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Lù Văn T**; Tên gọi khác: Lù Văn P; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1983, tại Sơn La; Nơi cư trú: Bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa (học vấn): Không; Con ông: Lù Văn K – Sinh năm 1933 (Đã chết) và con bà: Quàng Thị Đ – Sinh năm 1932; Vợ: Quàng Thị H – Sinh năm 1983; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Ngày 16/01/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo bản án số 74/2013/HSST, ngày 12/7/2014 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; Ngày 14/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 05 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", ngày 27/8/2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Hiện các bản án đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/6/2023 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/6/2023, Lù Văn T (Lù Văn P) đi bộ từ nhà ở bản B, xã T, huyện Đ đến khu vực thôn T, xã T, huyện Đ mục đích tìm mua Heroine về sử dụng. Tại đây, T gặp và hỏi mua được của một người đàn ông dân tộc Kinh khoảng 30 tuổi (không biết tên và địa chỉ) 01 gói Heroine với giá 50.000 đồng. Mua xong, T cất gói ma túy vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi bộ về nhà. Hồi 13 giờ 20 phút cùng ngày, khi T đang đi bộ trên đường thuộc thôn H, xã T, huyện Đ thì bị Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và ma túy Công an huyện Đ phối hợp với Công an xã T, huyện Đ phát hiện bắt quả tang và thu giữ tại túi quần bên phải T đang mặc 01 gói nilon màu trắng bên trong có các cục bột màu trắng nghi Heroine có khối lượng 0,14 gam.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và niêm phong vật chứng ngày 24/6/2023 đã xác định như sau: các cục bột màu trắng nghi Heroine có khối lượng là 0,14 gam gửi toàn bộ giám định.

Tại bản kết luận giám định số 1067/KL-KTHS ngày 02/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu các cục, bột màu trắng thu giữ của Lù Văn T gửi giám định là chất ma túy: Loại Heroine. Kèm theo kết luận giám định hoàn lại đối tượng giám định 0,08 gam và bì niêm phong cũ có biên bản đóng gói, niêm phong và giao, nhận lại đối tượng giám định kèm theo.

Tại bản cáo trạng số 184/CT-VKSHĐB ngày 31/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên truy tố bị cáo Lù Văn T về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Từ 14 tháng đến 17 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy gồm: 0,08 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo Lù Văn T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lù Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Hồi 13 giờ 20 phút ngày 24/6/2023, tại khu vực đường thuộc thôn T, xã T, huyện Đ, Lù Văn T bị tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về Kinh tế và ma túy Công an huyện Đ phối hợp với Công an xã T, huyện Đ phát hiện, bắt quả tang vì đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,14 gam Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Nguồn gốc số Heroine bị thu giữ là do Triển mua của một người đàn ông dân tộc Kinh khoảng 30 tuổi (Không biết tên và địa chỉ) tại khu vực thôn T, xã T, huyện Đ với số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng). Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

c) Heroine, cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;"

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lù Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng của Bị cáo là nguy

hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[3.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có bố đẻ là Lù Văn K được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[3.3] Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại Sơn La. Bị cáo không được đi học. Năm 1986 cùng gia đình chuyển lên sinh sống tại bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Năm 2000 đăng ký kết hôn với chị Quàng Thị H và có với nhau 02 người con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2009. Bị cáo sử dụng ma túy từ năm 2003 cho đến nay.

Ngày 16/01/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo bản án số 74/2013/HSST, ngày 12/7/2014 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; Ngày 14/12/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 05 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo bản án số 52/2015/HSST, ngày 27/8/2019 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Hiện các bản án đã được xóa án tích. Nhận thấy Bị cáo nhiều lần đi chấp hành hình phạt tù nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục vi phạm nên Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc để bị cáo cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

Tại các bản án số 74/2013/HSST ngày 16/01/2013 và bản án số 52/2015/HSST ngày 14/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tên mẹ của bị cáo là Lù Thị Đ, tên vợ của bị cáo là Lù Thị H. Căn cứ Biên bản xác minh ngày 30/6/2023 có xác nhận của chính quyền địa phương (BL: 58 - 59) và Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân sư (BL: 60) thì có đủ cơ sở khẳng định bà Lù Thị Đ và bà Quàng Thị Đ là một người, chị Lù Thị H và chị Quàng Thị H là một người.

[4] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính Bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài

sản. Nhưng xét thấy Bị cáo là đối tượng nghiện ma tuý, nghề nghiệp của bị cáo là làm ruộng không có thu nhập ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với Bị cáo từ 14 tháng đến 17 tháng tù Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo nên cần chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: Số Heroine bị thu giữ là 0,14 gam, đã gửi giám định toàn bộ hoàn lại 0,08 gam là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

[8] Các vấn đề khác: Nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, bị cáo khai đã mua của một người đàn ông dân tộc Kinh khoảng 30 tuổi, không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Điện Biên không có cơ sở xác minh làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lù Văn T (tên gọi khác Lù Văn P) phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt Bị cáo: **01 năm 03 tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 24/6/2023).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 0,08 gam Heroine là vật chứng còn lại của vụ án.

(Vật chứng của vụ án đã được Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/8/2023).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND huyện Điện Biên;
-VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yên